

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/JVL/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT TẠI TP.HỒ CHÍ MINH.**

Địa chỉ: Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028 6272 5681

E-mail: jvlcompany.info@vinabeef.com

Mã số doanh nghiệp: 0109752537-001

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **THỊT BÒ MÁT VINABEEF**

2. Thành phần: 100% Thịt bò mát.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 5 ngày kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất, hạn sử dụng xem trên nhãn, nhãn phụ.

STT	Mã sản phẩm	Quy cách sản phẩm
1	Thăn bò - Loin	Cắt lát, lúc lắc, thái lát, nguyên miếng
2	Thăn nội - Tenderloin	Cắt lát, lúc lắc, thái lát, nguyên miếng
3	Vai bò - Chuck	Cắt lát, lúc lắc, thái lát, nguyên miếng
4	Đùi bò - Round	Cắt lát, lúc lắc, thái lát, nguyên miếng
5	Nạm bò - Flank	Cắt lát, lúc lắc, thái lát, nguyên miếng
6	Bắp bò - Shank	Cắt lát, lúc lắc, thái lát, nguyên miếng
7	Bò tái - Rare beef	Cắt lát, lúc lắc, thái lát, nguyên miếng
8	Thịt bò Kiritoshi	Cắt lát, lúc lắc, thái lát, nguyên miếng
9	Thịt xay - Mince	Xay

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói với khối lượng tịnh: 200 g, 250 g, 300 g, 350 g, 500 g hoặc quy cách khác theo nhu cầu thị trường được thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm.

4.2. Chất liệu bao bì:

- Bao bì trực tiếp: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì đa lớp đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm, tuân theo QCVN 12-1: 2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

- Bao bì ngoài: Sản phẩm đã có bao bì trực tiếp có thể được đóng trong thùng carton hoặc tùy theo yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

5.1. Sản xuất tại: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MEGA VIỆT PHÁT- NHÀ MÁY MEGA DELI** (Ký hiệu M)

Địa chỉ: L.06A, Đường số 1, KCN Long Hậu, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Số Giấy chứng nhận HACCP Codex: 2017-HACCP-3091 cấp ngày: 26/09/2023 do tổ chức chứng nhận Quốc tế BVQA cấp.

5.2. Sản xuất tại: **CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT** (Ký hiệu T)

Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Minh Quang, Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn Thực phẩm số: 02/2024/NNPTNT-VP cấp ngày: 25/10/2024 do Chi cục Chăn nuôi và Thú y Vĩnh Phúc cấp.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-3: 2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Thông tư số 24/2013/TT-BYT Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm của Bộ Y tế.

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm của Bộ Y tế.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



VOICHI HARUMOTO

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

(Đính kèm Bản tự công bố số 02/JVL/2025)

1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT.	Chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Tổng vi sinh vật hiếu khí, cfu/g	$\leq 5 \times 10^5$	QCVN 8-3: 2012/BYT
2	E. coli, cfu/g	$\leq 5 \times 10^2$	QCVN 8-3: 2012/BYT
3	Salmonella/25 g	Không phát hiện	QCVN 8-3: 2012/BYT

2. Hàm lượng kim loại nặng:

STT.	Tên chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Cadimi (Cd), mg/kg	$\leq 0,05$	QCVN 8-2:2011/BYT
2	Chì (Pb), mg/kg	$\leq 0,1$	QCVN 8-2:2011/BYT

3. Dư lượng thuốc thú y:

STT.	Chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Albendazole, μ /g	≤ 100	TT 24/2013/TT-BYT
2	Amoxicillin, μ /g	≤ 50	TT 24/2013/TT-BYT
3	Benzylpenicillin, μ /g	≤ 50	TT 24/2013/TT-BYT
4	Chlortetracycline, μ /g	≤ 200	TT 24/2013/TT-BYT
5	Clenbuterol, μ /g	$\leq 0,2$	TT 24/2013/TT-BYT
6	Dexamethasone, μ /g	≤ 1	TT 24/2013/TT-BYT
7	Diethylstilbestrol (DES), μ /g	Không phát hiện	TT 24/2013/TT-BYT
8	Estradiol 17 beta, μ /g	Không phát hiện	TT 24/2013/TT-BYT
9	Levamisole, μ /g	≤ 10	TT 24/2013/TT-BYT
10	Oxytetracycline, μ /g	≤ 200	TT 24/2013/TT-BYT
11	Procaine benzylpenicillin, μ /g	≤ 50	TT 24/2013/TT-BYT
12	Ractopamine, μ /g	≤ 10	TT 24/2013/TT-BYT
13	Salbutamol, μ /g	Không phát hiện	TT 24/2013/TT-BYT
14	Spectinomycin, μ /g	≤ 500	TT 24/2013/TT-BYT
15	Sulfadimidine, μ /g	≤ 100	TT 24/2013/TT-BYT
16	Testosterone, μ /g	Không phát hiện	TT 24/2013/TT-BYT
17	Tetracycline, μ /g	≤ 200	TT 24/2013/TT-BYT

4. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:

STT.	Chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	2,4 – D, mg/kg	$\leq 0,2$	TT 50/2016/TT-BYT
2	Aminocyclopyrachlor, mg/kg	$\leq 0,01$	TT 50/2016/TT-BYT
3	Diquat, mg/kg	$\leq 0,05$	TT 50/2016/TT-BYT
4	MCPA (2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic acid), mg/kg	$\leq 0,1$	TT 50/2016/TT-BYT
5	Paraquat, mg/kg	$\leq 0,005$	TT 50/2016/TT-BYT
6	Propargite, mg/kg	$\leq 0,1$	TT 50/2016/TT-BYT



Đính kèm Bản tự công bố số: 02/JVL/2025
Ngày: 27/06/2025



THỊT BÒ MÁT

TƯƠI NGON ĐẦY DINH DƯỠNG



Thịt bò mát Vinabeef, chọn lọc từ nguồn bò khỏe mạnh, xử lý và đóng gói với công nghệ OPTI SEAL, tạo môi trường tối ưu, giúp thịt ở trạng thái tươi ngon, mềm ngọt, giữ nguyên giá trị dinh dưỡng.

TƯƠI MỚI

Giữ trọn hương vị và dưỡng chất nguyên bản của thịt bò.

MỀM NGON

Giúp tăng độ mềm và vị thơm của thịt bò.

AN TOÀN

Tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia về thịt bò mát.



THÀNH PHẦN: 100% Thịt bò mát.
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Nấu chín, chế biến các món ăn tùy thích.
HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN: Bảo quản ở nhiệt độ 0°C - 4°C.
THÔNG TIN CẢNH BÁO: Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc bao bì bị hư hỏng, bỏ miếng thấm nước trước khi chế biến.
KHỐI LƯỢNG TÍNH, NGÀY SẢN XUẤT, HẠN SỬ DỤNG, MÃ SẢN PHẨM:
Xem trên nhãn hoặc nhãn phụ.

Sản phẩm của: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ: Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: 028.6272.5681 - Email: jvlcompany.info@gmail.com - Website: www.vinabeef.com

Xuất xứ: Việt Nam

Mẫu nhãn phụ

MÃ SẢN PHẨM Quy cách sản phẩm	
Khối lượng tịnh: Ngày sản xuất: Hạn sử dụng: Phù hợp làm:	
Barcode	Mã nhà máy

Mẫu nhãn phụ (*)

MÃ SẢN PHẨM Quy cách sản phẩm	
Khối lượng tịnh: GIÁ BÁN LẺ Ngày sản xuất: Hạn sử dụng:	
Phù hợp làm:	
Barcode	Mã nhà máy

(*) Chỉ áp dụng cho hệ thống của WINCOMMERCE



VOICHI HARUMOTO

Mã số mẫu/ Sample code BN12504.16151545 MM12504.161515451	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 05/05/2025
---	---	--

Tên khách hàng/ *Customer* : CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ/ *Address* : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Tên mẫu/ *Name of sample* : THỊT BÒ MÁT VINABEEF

Số lượng/ *Quantity* : 1

Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu đựng trong bao bì kín

Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving* : 16/04/2025

Ngày hẹn trả KH/ *Date of issue* : 24/04/2025

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ <i>Parameters</i>	Đơn vị tính/ <i>Unit</i>	Kết quả/ <i>Result</i>	Phương pháp/ <i>Test method</i>
1	Cd	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (2021) (Ref. AOAC 999.11) (*)
2	Pb	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.TN.0018 (2021) (Ref. AOAC 999.11) (*)
3	2,4-D	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,003	CASE.SK.0122 (2018) (*)
4	Albendazole	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 20	CASE.SK.0123 (2018)
5	Aminocyclopyrachlor	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.SK.0102 (2018)
6	Amoxicillin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 15	CASE.SK.0010 (2023) (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
[9] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
☎ 18001105
[8] (84.28) 3911 7216
✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[9] F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
☎ (84.292) 3918217 - 3918 218
✉ kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucanthon@case.vn ;
ketoancanthon@case.vn
☎ case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[9] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
☎ (84.258) 246 5255
[8] (84.258) 246 5355
✉ vanphongmientrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ <i>Parameters</i>	Đơn vị tính/ <i>Unit</i>	Kết quả/ <i>Result</i>	Phương pháp/ <i>Test method</i>
7	Benzylpenicillin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 15	CASE.SK.0010 (2023) (*)
8	Chlortetracycline	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 10	CASE.SK.0007 (2018) (*)
9	Clenbuterol	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0057 (2016) (*)
10	Dexamethasone	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0129 (2018) (*)
11	Diethylstilbestrol (DES)	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 5	CASE.SK.0155 (2021) (*)
12	Diquat	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.SK.0102 (2018) (*)
13	Estradiol 17 beta	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 5	CASE.SK.0155 (2021) (*)
14	Levamisole	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0129 (2018) (*)
15	MCPA (2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic acid)	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,003	CASE.SK.0122 (2018) (*)
16	Oxytetracycline	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 10	CASE.SK.0007 (2018) (*)
17	Paraquat	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.SK.0102 (2018) (*)
18	Procaine benzylpenicillin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 15	CASE.SK.0010 (2023) (*)
19	Propargite	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,003	CASE.SK.0114 (2017) (*)
20	Ractopamine	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,5	CASE.SK.0057 (2016) (*)

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
[9] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM
[☎] 18001105
[☎] (84.28) 3911 7216
[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[9] F2-67, F2-68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
[☎] (84.292) 3918217 - 3918 218
[✉] kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ;
ketoancantho@case.vn
[☎] case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[9] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[☎] (84.258) 246 5255
[☎] (84.258) 246 5355
[✉] vanphongmien trung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
21	Salbutamol	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,5	CASE.SK.0057 (2016) (*)
22	Spectinomycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 50	CASE.SK.0189 (2020) (*)
23	Sulfadimidine	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 5	CASE.SK.0006 (2020) (*)
24	Testosterone	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 5	CASE.SK.0155 (2021) (*)
25	Tetracycline	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 10	CASE.SK.0007 (2018) (*)
26	Escherichia coli	/g	Không phát hiện	ISO 16649-3:2015 (*)
27	Salmonella spp.	/25g	Không phát hiện	TCVN 8342:2010 (*)
28	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	8,9x10 ⁴	ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TUQ. GIÁM ĐỐC / PER PRO. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Nguyễn Huy Dũng



Phú Minh Tuấn

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
[📍] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
[☎] 18001105
[📞] (84.28) 3911 7216
[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[📍] F2 - 67, F2 - 68, Đường số 6, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
[☎] (84.292) 3918217 - 3918 218
[✉] kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ;
ketoancantho@case.vn
[🌐] case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[📍] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[☎] (84.258) 246 5255
[📞] (84.258) 246 5355
[✉] vanphongmien trung@case.vn